TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/DS-ST
Ngày: 05/9/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.

2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2025/QĐST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở: A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H – sinh năm 1974 - Nhân viên Cty Cổ phần S1 Có Ngay, có mặt.

Địa chỉ: Số A đường C, khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G - sinh ngày 12/3/1994, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Công ty Cổ phần S trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngày 07/10/2024, ông Nguyễn Văn G có đến chi nhánh L của Công ty Cổ phần S ký hợp đồng cầm cố tài sản số LMM241001008NA22X, tài sản cầm cố là xe môtô

hai bánh biển kiểm soát số 68E-600.98, loại xe: HONDA – Winner X, màu đỏ, số khung: RLHKC4400NY020520, số máy: KC34E5050625, giấy đăng ký xe máy số 68 000334, được Công an tỉnh K cấp ngày 14/20/2022 do ông Nguyễn Văn G đứng tên, để lấy số tiền 23.139.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng 1,1%/tháng, số tiền và lãi suất được trả dần định kỳ hàng tháng bằng 2.134555 đồng.

Do ông Nguyễn Văn G cần xe đi lại nên Công ty và ông G có thỏa thuận thuê lại chiếc xe trên và ký thỏa thuận thêu tài sản vào ngày 0710/2024, thời hạn thuê bằng thời hạn cầm cố, giá thuê tài sản bằng 1.249.468 đồng/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo các hợp đồng đã ký và cũng không trả lại xe cho Công ty.

Hiện nay giấy đăng ký xe máy số 68 000334 do ông Nguyễn Văn G đứng tên, biển số 68E-600.98, loại xe: HONDA – Winner X, số khung: RLHKC4400NY020520, số máy: KC34E5050625 được Công ty S Có Ngay đang cất giữ, còn chiếc xe thì Công ty cho ông G thuê lại sử dụng, chiếc xe hiện nay không biết ông Nguyễn Văn G còn sử dụng hay đã bán cho người khác, vì vậy, Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chiếc xe máy trên không yêu cầu ông G giao chiếc xe này cho Công ty mà Công ty chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả số tiền 29.899.409 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn đối số tiền vốn chưa trả hết cho Công ty đến khi ông G trả dứt nợ cho Công ty.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn G không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Văn G.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S Có Ngay có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử bằng 25.828.723 đồng (trong đó tiền vốn bằng 19.581.383 đồng và phí thuê xe bằng 6.247.340 đồng). Công ty Cổ phần S Có Ngay xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn G phải giao chiếc xe máy ông G cầm cố cho Công ty và các khoản phí thuê xe, phí theo dõi, phí quản lý hồ sơ và không yêu cầu tính lãi theo hợp đồng.

Khi ông Nguyễn Văn G trả hết số nợ trên cho Công ty Cổ phần S thì Công ty sẽ trả lại giấy đăng ký xe máy số 68 000334 do ông Nguyễn Văn G đứng tên, biển số 68E-600.98 cho ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với ông Nguyễn Văn G là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Ông Nguyễn Văn G là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Văn G thực hiện giao dịch với Công Ty Cổ phần S Có Ngay ông có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông Nguyễn Văn G cư trú, hiện nay ông Nguyễn Văn G vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa 02 lần mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn G.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản cầm cố là chiếc xe môtô hai bánh biển kiểm soát số 68E-600.98 mà ông G đã ký hợp đồng cầm cố cho Công ty Cổ phần S Có Ngay, không yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải giao chiếc xe máy ông G đã cầm cố cho Công ty và không yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải trả các khoản phí thuê xe, phí theo dõi, phí quản lý hồ sơ và không yêu cầu tính lãi theo hợp đồng cầm cố, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 218, 219 và 244 đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa Công Ty Cổ phần S Có Ngay với ông Nguyễn Văn G là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015. Qua kết quả thẩm tra tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận cầm cố tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng cầm cố tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Theo hợp đồng cầm cố tài sản số LMM241001008NA22X, ngày 07/10/2024, giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi, tài sản cầm cố là chiếc xe môtô 02 bánh BKS 68E-600.98 do ông G đứng tên, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 310 Bộ luật dân sự. Theo hợp đồng cầm cố thì ông G phải giao tài sản là chiếc xe môtô 02 bánh BKS 68E-600.98 và giấy chứng nhận đăng ký xe cho Công Ty Cổ phần S Có Ngay để lấy số tiền 23.139.000 đồng. Tuy nhiên, phía Công Ty Cổ phần S Có

Ngay cùng ông G ký thỏa thuận thuê tài sản là chiếc xe môtô 02 bánh BKS 68E-600.98 và Công Ty Cổ phần S Có Ngay đã giao lại chiếc xe trên cho ông G sử dụng, phía ông G phải thanh toán cho Công Ty Cổ phần S Có Ngay số tiền thuê xe mỗi tháng bằng 1.249.468 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng thuê là 12 tháng (bằng thời hạn cầm cố), thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn G không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 07/12/2024, ông Nguyễn Văn G không thanh toán cho Công Ty Cổ phần S Có Ngay theo hợp đồng đã ký kết. Do ông Nguyễn Văn G đã vi phạm nghĩa vụ nên căn cứ vào hợp đồng được ký kết giữa các bên, Công Ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G phải trả số tiền 25.828.723 đồng (trong đó tiền vốn bằng 19.581.383 đồng và phí thuê xe bằng 6.247.340 đồng) cho Công ty là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Nguyễn Văn G phải nộp 1.291.000 đồng (25.828.723 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khỏa 4 Điều 11, Điều 309, 310, 311, 312, 313 và 314 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 218, 219, 227, 271, 244 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự 2025;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 25.828.723 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn G không trả đủ số tiền trên cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì hàng tháng ông Nguyễn Văn G còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc buộc ông G giao tài sản cầm cố cho Công ty, các khoản phí thuê xe, phí theo dõi, phí quản lý hồ sơ lãi suất theo hợp đồng cầm cố.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn G phải nộp số tiền 1.291.000 đồng.

Công ty Cổ phần S Có Ngay được nhận lại số tiền 571.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014908 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang